

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/DS-ST**

Ngày 19 tháng 7 năm 2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hải Yến**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lan** – Thư ký Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-DS ngày 06/7/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng S (S)**

Trụ sở: N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà N – Tổng Giám đốc Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Giấy ủy quyền số: 308/2021/UQ-TTT ngày 18/01/2021.
Ông H vắng mặt

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1981**

Hộ khẩu thường trú và hiện trú tại: B, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội.

Ông Đ có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn là Ngân hàng S (S) do ông Nguyễn Thanh H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/9/2011, ông Nguyễn Tiến Đ có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Master Card Credit Classic số 512341-..... với hạn mức sử dụng là 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 61.576.634đ

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 85.600.000đ (thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau). Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền nợ gốc còn lại là: 12.686.918đ (*hai triệu năm trăm chín mươi tám nghìn một trăm sáu mươi tám đồng*). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/4/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là: 12.686.918đ là 3.225%/tháng (150% lãi suất trong hạn). Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 26/4/2017 đến ngày 08/4/2021 là: 19.976.296đ.

Tính đến ngày 08/4/2021, ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc: 12.686.918đ, nợ lãi quá hạn: 19.976.296đ tổng cộng: 32.663.214 (*ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm mười bốn đồng*).

Nay Ngân hàng S đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Tiến Đ phải thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ là 32.663.214đ (*ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm mười bốn đồng*), trong đó tiền nợ gốc: 12.686.918đ, nợ lãi quá hạn: 19.976.296đ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng vay trên kể từ ngày 09/4/2021 cho đến khi ông Đ thanh toán hết và các chi phí phát sinh. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

2. Bị đơn – ông Nguyễn Tiến Đ vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai.

Quá trình tiến hành tố tụng trong đơn khởi kiện, người khởi kiện - Ngân hàng S có ghi đầy đủ cụ thể, đúng địa chỉ của người bị kiện là ông Nguyễn Tiến Đ, có hộ khẩu thường trú: B, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Đ nhưng ông Đ không đến Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy không có lời khai của ông Đ.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh H – là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải của Tòa án. Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Đ phải thanh toán cho Ngân hàng là 34.256.282đ, trong đó nợ gốc là: 12.686.918đ; lãi quá hạn là 21.387.364đ tính đến ngày 19/7/2021 (ngày xét xử sơ thẩm). Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Đ thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ thanh toán.

Bị đơn - ông Nguyễn Tiến Đ xác nhận có ký kết với Ngân hàng S 01 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đã cấp cho ông 01 thẻ tín dụng Master Card Credit Classic với hạn mức 25.000.000đ. Hiện nay, ông còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc khoảng hơn 10 triệu đồng (cụ thể ông không nhớ rõ). Do tình hình dịch bệnh, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông đề nghị Tòa án và Ngân hàng để ông trả dần nợ gốc 1.000.000đ/tháng cho Ngân hàng và xem xét miễn toàn bộ lãi cho ông vì lãi quá cao.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với việc vắng mặt của ông Nguyễn Thanh H – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với ông Nguyễn Tiến Đ về tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng Master Card Credit Classic số 512341-..... Buộc ông Đ phải thanh toán trả cho Ngân hàng S tổng số tiền còn nợ Ngân hàng là: 34.256.282đ, trong đó nợ gốc là: 12.686.918đ; lãi quá hạn là 21.387.364đ tính đến ngày 19/7/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/9/2011 và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S. Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/7/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tiến Đ phải thanh toán tổng số tiền 25.361.020đ, trong đó nợ gốc là: 12.686.918đ; lãi quá hạn là 12.492.102đ tính đến ngày 15/10/2020) theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết ngày 08/9/2011 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo quy định tại Khoản 1 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn xuất trình tài liệu bị đơn – ông Nguyễn Tiến Đ có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ B, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn:

Tại phiên tòa ngày 19/7/2021, ông Nguyễn Thanh H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Nghị quyết số 04 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Thanh H – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

Ngày 08/9/2011, ông Đ có ký với Ngân hàng S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông Đạt, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Master Card Credit Classic số 512341-..., hạn mức 25.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Hình thức đảm bảo cấp thẻ là tín chấp.

Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Master Card Credit Classic số 512341-.... ngày 08/9/2011 được hai bên ký kết tự nguyện và phù hợp với quy

định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Các bên có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 xác định hợp đồng là hợp pháp, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

3. Về yêu cầu đòi nợ gốc:

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 61.576.634đ và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 85.600.000đ (thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau). Ông Đ sử dụng thẻ từ 20/9/2011 đến tháng 12/2016 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng từ ngày 25/12/2016 thì ngưng thanh toán. Theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại phù hợp với điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ trong trường hợp: “việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán”.

Trong trường hợp này, ông Đ đã phát sinh giao dịch thẻ cuối cùng vào ngày 25/12/2016, dư nợ đến ngày 25/12/2016 là 11.424.178 đồng nên phải coi đây là khoản nợ gốc để tính lãi quá hạn mà không phải là tổng dư nợ thẻ như Ngân hàng đã khởi kiện. Do đó, căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông Đ phải hoàn trả số tiền nợ gốc là 11.424.178 đồng.

4. Về yêu cầu đòi tiền lãi:

Đối với số tiền lãi trong hạn phát sinh trong thời gian thẻ tín dụng còn hiệu lực mà ông Nguyễn Tiến Đ chưa trả, căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Điều 24 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Tòa án buộc ông Đ phải trả Ngân hàng S số tiền lãi trong hạn là 409.040 đồng.

Đối với số tiền lãi quá hạn, Ngân hàng S yêu cầu ông Nguyễn Tiến Đ phải trả 21.387.364 đồng. Tuy nhiên, do Ngân hàng chỉ được chấp nhận số nợ gốc là

11.424.178 đồng, và Ngân hàng xác định ngày chuyển lãi quá hạn là ngày 26/4/2017 nên Tòa án xác định số tiền lãi quá hạn từ ngày 26/4/2017 đến ngày 19/7/2021 là: 11.424.178 đồng x 2,15%/30 ngày x 150% x 1545 ngày = 18.974.132 đồng. Căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng S, buộc ông Đ phải trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/7/2021 là 18.974.132 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ngân hàng S yêu cầu anh Nguyễn Tiến Đ trả tổng số tiền là 34.256.282 đồng, nhưng chỉ được Tòa án chấp nhận số tiền là 30.807.350 đồng, nên phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng, trừ vào 630.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, được trả lại 330.000 đồng. Ông Nguyễn Tiến Đ phải chịu 1.540.368 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc yêu cầu ông Nguyễn Tiến Đ trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 08/9/2011. Buộc ông Nguyễn Tiến Đ trả Ngân hàng S các khoản tiền tính đến ngày 19/7/2021 gồm: Nợ gốc là 11.424.178 đồng,

tiền lãi trong hạn là 409.040 đồng, tiền lãi quá hạn là 30.398.310 đồng, tổng số tiền là 30.807.350 đồng (ba mươi triệu tám trăm linh bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Ngân hàng S phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào 630.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/3958 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, được trả lại 330.000 đồng (ba trăm ba mươi nghìn đồng).

3.2. Ông Nguyễn Tiến Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.540.368 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Ông Nguyễn Tiến Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hải Yến